

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/DS - ST.

Ngày: 15/12/2021.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu;

Ông Trần Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải , tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST-DS ngày 12/10/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 16/11/2021 giữa :

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Bà Lại Thị H, sinh năm 1965 và ông Lương Xuân T, sinh năm 1959 (bà H, ông T có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Tiến H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông Bùi Tiến H1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ giải quyết vụ án)

- Người làm chứng: Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xyz, tổ e, L, Đ, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 29/11/2018 bà có chuyển cho bà Lại Thị H, chồng là ông Lương Xuân T vay tổng số tiền là 200.000.000đồng, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà (chồng bà là ông Bùi Tiến H1). Khi chuyển tiền cho vay thì bà nhờ con gái bà là chị Bùi Thị H2 cầm tiền ra ngân hàng để chuyển vào tài khoản của ông T ở ngân hàng Đông Á, việc vay mượn này 02 bên chỉ điện thoại qua lại, tổng số tiền vay là 200.000.000đồng và lãi suất thỏa thuận là 1,5%/01 tháng chứ không làm văn bản để ký kết. Đến ngày 20/6/2019 ông T bà H đã trả cho vợ chồng bà được 50.000.000đồng tiền gốc và có trả được một số tiền lãi nhưng chính xác bao nhiêu thì bà không nhớ. Đến ngày 28/9/2019 thì bà và vợ chồng bà H ông T mới lập biên bản thỏa thuận nợ có thời hạn, biên bản này thể hiện là bà có cho bà H, ông T vay số tiền mặt là 200.000.000đồng, tính đến ngày 28/9/2019 bà H đã trả cho bà là 50.000.000đồng tiền gốc và còn nợ lại là 150.000.000đồng tiền gốc và bà H còn viết vào biên bản này hứa đến cuối năm 2020 sẽ trả 100.000.000đồng và đến tháng 30/5/2020 sẽ trả 50.000.000đồng nhưng đến nay ông T bà H vẫn chưa trả bà 150.000.000đồng gốc còn lại. Do đó, bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T và bà H phải trả hết cho vợ chồng bà tổng số tiền gốc còn nợ lại là 150.000.000đồng và bà không yêu cầu lãi suất.

Quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn chị bà Lại Thị H và ông Lương Xuân T trình bày:

Bà H và ông T đều thừa nhận có vay của bà Đ số tiền là 200.000.000 đồng và được chuyển vào tài khoản của ông T được mở tại Ngân hàng Đông Á. Sau khi vay được tiền bà Đ đến ngày 05 tháng 01 năm 2019 (âm lịch) bà H đã trả cho bà Đ được 51.600.000đồng tiền lãi và đến tháng 4 năm 2019 (âm lịch) thì bà H đã trả cho bà Đ được 50.000.000đồng tiền gốc. Đến nay bà H và ông T đều khẳng định vẫn còn nợ lại bà Đ số tiền 150.000.000đồng tiền gốc. Ngày 29 tháng 9 năm 2021 bà Đ có mang đến nhà ông bà biên bản thỏa thuận nhận nợ có thời hạn đề ngày 28/9/2021 và ông bà cũng tự nguyện ký vào biên bản này vì nội dung biên bản là đúng sự thật nên ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên nội dung bà viết hứa sẽ trả bà Đ số tiền còn nợ lại cho bà Đ là bà Đ đọc cho bà sao thì bà viết vậy chứ lúc đó bà khó khăn không thể có tiền trả cho bà Đ như đã hứa thì trong lúc Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả cho bà Đ 150.000.000đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi, quan điểm của ông bà là ông bà không có ý kiến gì về số tiền gốc và lãi đã trả cho bà Đ và ông bà sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà Đ số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đồng. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế gia đình ông bà đang rất khó khăn, số tiền bà Đ cho bà H vay thì bà H cũng cho người khác vay lại mà những người vay lại đó cũng khó khăn nên chưa có để trả cho bà nên ông bà chưa có tiền ngay để trả cho bà Đ được. Ông bà xin bà Đ cho ông bà trả dần dần.

Quá trình tố tụng tại Tòa, người làm chứng là chị Bùi Thị H2 trình bày:

Ngày 29/11/2018 mẹ chị đưa cho chị số tiền mặt là 200.000.000đồng và nhờ chị chuyển số tiền này cho ông Lương Xuân T và bà Lại Thị H vay. Chị cầm tiền và ra ngân hàng Đông Á chuyển vào số tài khoản 0107528991 là tài khoản của ông T 200.000.000đồng, loại tiền gồm 400 tờ tiền mệnh giá 500.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Lại Thị H, ông Lương Xuân T là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là bà Lại Thị H, ông Lương Xuân T có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét về giá trị pháp lý của của hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ và bà H ông T mới đầu được thực hiện bằng miệng, sau đó được thể hiện bằng biên bản thỏa thuận nhận nợ có thời hạn đề ngày 28/9/2021 có chữ ký của cả bà Đ, bà H và ông T thấy: Việc bà Đ và bà H thỏa thuận cho nhau vay tiền thông qua điện thoại và sau đó được thể hiện bằng biên bản thỏa thuận nhận nợ có thời hạn đề ngày 28/9/2021 có chữ ký của cả bà Đ, bà H và ông T với tổng số tiền gốc 200.000.000đồng và đã trả được 50.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc điều này được cả bà Đ, bà H và ông T xác nhận. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ và bà H, ông T được thể hiện bằng biên bản thỏa thuận nhận nợ có thời hạn đề ngày 28/9/2021 có chữ ký của cả bà Đ, bà H và ông T có giá trị thực hiện trên thực tế và các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

Quá trình thực hiện cam kết bà Đ khẳng định là nhờ con gái là chị Bùi Thị H2 chuyển đủ số tiền 200.000.000đồng vào tài khoản của ông Lương Xuân T và sau đó thì bà H đã trả cho bà Đ được 50.000.000đồng tiền gốc và đến nay thì vẫn còn nợ 150.000.000đồng tiền gốc. Bà H ông T cũng khẳng định đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng từ bà Đ chuyển vào tài khoản của ông T tại ngân hàng Đông Á và bà H trả được cho bà Đ 50.000.000đồng tiền gốc và còn nợ lại 150.000.000đồng tiền gốc. Chị Bùi Thị H2 cũng khẳng định là có chuyển hộ bà Đ sơ tiền 200.000.000đồng vào tài khoản của ông T. Như vậy đến nay các bên đã thống nhất được với nhau về tổng số tiền gốc hai bên cho nhau vay là 200.000.000đồng và đã trả được 50.000.000đồng tiền gốc và còn nợ lại 150.000.000đồng tiền gốc. Tuy nhiên bà H ông T trình bày hiện tại kinh tế gia đình bà đang rất khó khăn, số tiền vay của bà Đ bà H lại cho người khác vay lại mà những người vay lại này chưa có để trả bà nên hiện tại ông bà không có tiền ngay để trả cho bà Đ mà xin bà Đ tạo điều kiện để bà H và ông T có thời gian thu xếp tìm nguồn tiền để trả dần cho bà Đ. Bà Đ không đồng ý với việc bà H ông T xin trả dần mà yêu cầu bà H ông T phải trả hết cho bà số tiền nợ gốc còn

lại là 150.000.000đồng vì bà H đã hứa sẽ trả cho bà nhiều lần rồi nhưng đến nay vẫn chưa trả được.

Từ những các tình tiết nêu trên và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ hội đồng xét xử khẳng định đến nay việc bà H ông T chưa trả số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đồng cho bà Đ là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điều 466 Bộ luật Dân sự.

Tại thời điểm bà Đ cho bà H, ông T vay tiền, ông Bùi Tiến H1 không tham gia. Tuy nhiên khoản tiền bà Đ cho bà H, ông T vay là tài sản chung của vợ chồng bà Đ và ông H1 được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân và bà Đ cũng khẳng định số tiền này là tài sản chung của bà và ông H1. Do đó theo quy định tại theo Điều 29, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông H1 cũng có quyền đối với tài sản mà bà Đ cho bà H, ông T vay. Nay ông H1 ủy quyền cho bà Đ thay ông giải quyết vụ việc, do đó bà Đ có quyền yêu cầu bà H, ông T phải trả nợ cho bà tổng số tiền gốc còn nợ lại là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 357, 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lại Thị H và ông Lương Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. các điều, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ buộc bà Lại Thị H, ông Lương Xuân T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Bùi Tiến H1 tổng số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng)

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Về án phí: Bà Lại Thị H và ông Lương Xuân T phải chịu 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (Ba triệu đồng) mà bà Đ đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0002215 ngày 12 tháng 10 năm 2021.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Lại Thị H, ông Lương Xuân T và ông Bùi Tiến H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi

